

CHƯƠNG 4 THỦ TỤC HẢI QUAN & TẠO THUẬN LỢI THƯƠNG MẠI

Điều 4.1: Các định nghĩa

Vì mục đích của Chương này, các định nghĩa sau đây có nghĩa là:

Doanh nghiệp ưu tiên (AEO) là chương trình công nhận một doanh nghiệp tham gia vào việc vận chuyển hàng hóa quốc tế trong bất kỳ chức năng nào đã được Cơ quan Hải quan quốc gia phê duyệt là tuân thủ với Tổ chức Hải quan Thế giới (WCO) hoặc các tiêu chuẩn an ninh chuỗi cung ứng tương đương;

Cơ quan Hải quan là Cơ quan Liên bang về Nhận dạng, Quốc tịch, Hải quan và An ninh Cảng của Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất và Tổng cục Hải quan của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Pháp luật hải quan là các điều khoản được quy định bởi pháp luật và các quy định liên quan đến nhập khẩu, xuất khẩu, quá cảnh hàng hóa hoặc bất kỳ thủ tục hải quan nào khác có liên quan đến thuế hải quan, thuế hoặc bất kỳ khoản phí nào khác do các Cơ quan hải quan thu hoặc các biện pháp cấm, hạn chế hoặc kiểm soát do các Cơ quan Hải quan thực thi;

Hiệp định hỗ trợ lẫn nhau về hải quan (CMAA) nghĩa là hiệp định tăng cường hơn nữa hợp tác hải quan và trao đổi thông tin giữa các bên để đảm bảo và tạo thuận lợi cho hoạt động thương mại hợp pháp;

Thủ tục hải quan nghĩa là các biện pháp do cơ quan hải quan của một Bên áp dụng đối với hàng hóa và phương tiện vận tải là đối tượng của pháp luật và quy định hải quan của Bên đó;

Thỏa thuận công nhận lẫn nhau (MRA) nghĩa là thỏa thuận giữa các Bên công nhận lẫn nhau các chứng nhận về AEO được cấp hợp lệ bởi một trong các Cơ quan Hải quan.

Người là cả thể nhân và pháp nhân, trừ khi bối cảnh quy định khác;

Điều 4.2: Phạm vi

Chương này sẽ áp dụng, phù hợp với pháp luật, quy tắc và quy định quốc gia tương ứng của các Bên, đối với các thủ tục hải quan được quy định để thông quan hàng hóa giao dịch giữa các Bên.

Điều 4.3: Mục tiêu

Các Bên nhận thức tầm quan trọng của các vấn đề về hải quan và tạo thuận lợi thương mại trong môi trường thương mại toàn cầu, và sẽ nỗ lực tăng cường hợp tác trong lĩnh vực này để đảm bảo hỗ trợ pháp luật và các thủ tục hải quan của mình nhằm đáp ứng các mục tiêu thúc đẩy tạo thuận lợi thương mại trong khi vẫn đảm bảo kiểm soát hải quan hiệu quả.

Điều 4.4: Các quy định chung

1. Các Bên đồng ý rằng luật và thủ tục hải quan của mình sẽ minh bạch, không phân biệt đối xử, nhất quán và tránh các trở ngại không cần thiết về mặt thủ tục đối với thương mại.
2. Thủ tục hải quan của các Bên, nếu có thể, sẽ tuân thủ các tiêu chuẩn và thông lệ được khuyến nghị của Tổ chức Hải quan Thế giới.
3. Cơ quan Hải quan của mỗi Bên sẽ định kỳ rà soát các thủ tục hải quan của mình nhằm đơn giản hóa và tiên bộ hơn nữa nhằm tạo thuận lợi cho thương mại song phương.

Điều 4.5: Công bố và tính sẵn có của thông tin

1. Mỗi Bên sẽ đảm bảo rằng các luật, quy định, hướng dẫn, thủ tục và quy định hành chính điều chỉnh các vấn đề hải quan của mình được công bố nhanh chóng trong khả năng có thể, trên Internet hoặc dưới dạng bản in bằng tiếng Anh.
2. Mỗi Bên sẽ chỉ định, thành lập và duy trì một hoặc nhiều điểm hỏi đáp để giải đáp vướng mắc của những người quan tâm liên quan đến các vấn đề hải quan và mỗi Bên sẽ, nỗ lực cung cấp công khai thông qua hình thức điện tử các thông tin liên quan đến thủ tục phát sinh các vướng mắc đó.
3. Không có nội dung nào trong Điều này hoặc trong bất kỳ phần nào của Hiệp định này yêu cầu bất kỳ Bên nào công bố các quy trình thực thi pháp luật và hướng dẫn thực hiện nội bộ, bao gồm cả những hướng dẫn liên quan đến việc tiến hành phân tích rủi ro và phương pháp xác định trọng điểm.
4. Trong phạm vi có thể thực hiện được, và theo cách phù hợp với luật pháp và hệ thống pháp luật trong nước của mình, mỗi Bên sẽ đảm bảo rằng các luật và quy định mới hoặc những sửa đổi được áp dụng chung liên quan đến việc vận chuyển, giải phóng và thông quan hàng hóa, bao gồm cả hàng hóa quá cảnh, được công bố hoặc thông tin về các luật và quy định đó được công khai càng sớm càng tốt trước khi có hiệu lực, để các bên quan tâm có cơ hội làm quen với các luật và quy định mới hoặc sửa đổi. Các thông tin và việc công bố phạm này sẽ bằng tiếng Anh, trong phạm vi có thể.

Điều 4.6: Quản lý rủi ro

Các Bên sẽ áp dụng phương pháp quản lý rủi ro trong các hoạt động hải quan của mình, dựa trên rủi ro đã được xác định đối với hàng hóa, nhằm tạo thuận lợi cho việc thông quan các lô hàng có rủi ro thấp, đồng thời tập trung các hoạt động kiểm tra đối với hàng hóa có rủi ro cao.

Điều 4.7: Trao đổi phi giấy tờ

1. Với mục đích tạo thuận lợi cho việc trao đổi song phương dữ liệu thương mại quốc tế và đẩy nhanh thủ tục giải phóng hàng, các Bên sẽ nỗ lực cung cấp một môi trường điện tử hỗ trợ việc trao đổi và giao dịch giữa Cơ quan Hải quan và các doanh nghiệp.
2. Các Bên sẽ trao đổi quan điểm và thông tin về việc hiện thực hóa và thúc đẩy trao đổi phi giấy tờ giữa Cơ quan Hải quan và các doanh nghiệp.
3. Trong khi thực hiện các sáng kiến về sử dụng trao đổi phi giấy tờ, Cơ quan Hải quan của các Bên sẽ tính đến các phương thức đã được thống nhất tại WCO.

Điều 4.8: Xác định trước

1. Phù hợp với các cam kết trong Hiệp định Tạo thuận lợi Thương mại (TFA) của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), được quy định tại Phụ lục 1A của Hiệp định WTO, Cơ quan Hải quan của các Bên, theo yêu cầu, sẽ ban hành một xác định trước, trong một thời hạn hợp lý, trước khi hàng hóa được nhập khẩu vào lãnh thổ của mình dựa trên cơ sở yêu cầu bao gồm các thông tin cần thiết liên quan đến:
 - (a) phân loại thuế quan;
 - (b) xuất xứ hàng hóa; và
 - (c) việc áp dụng các tiêu chí về giá trị đối với một trường hợp cụ thể, phù hợp với Hiệp định Trị giá Hải quan.
2. Bên nhập khẩu sẽ áp dụng một xác định trước do mình ban hành theo khoản 1 Điều này vào ngày mà xác định trước đó được ban hành hoặc ngày muộn hơn được nêu cụ thể trên xác định trước đó và vẫn có hiệu lực trong một khoảng thời gian hợp lý và phù hợp với thủ tục quốc gia về xác định trước trừ khi xác định trước bị sửa đổi hoặc thu hồi.
3. Xác định trước do một Bên ban hành chỉ có giá trị ràng buộc đối với người được ban hành xác định trước đó.
4. Một Bên có thể từ chối ban hành xác định trước nếu các dữ kiện và hoàn cảnh làm cơ sở cho xác định trước là đối tượng của việc rà soát hoặc khiếu kiện hành chính hoặc tư pháp. Bên từ chối ban hành xác định trước sẽ nhanh chóng thông báo bằng văn bản cho người yêu cầu xác định trước, nêu rõ các dữ kiện và hoàn cảnh có liên quan và cơ sở cho quyết định của mình.
5. Bên nhập khẩu có thể sửa đổi hoặc hủy bỏ một xác định trước:
 - (a) nếu xác định trước dựa trên dữ kiện sai sót;
 - (b) nếu có sự thay đổi về dữ kiện nguyên liệu hoặc hoàn cảnh làm cơ sở cho xác định trước;
 - (c) để phù hợp với một sửa đổi của Chương này; hoặc
 - (d) để phù hợp với một quyết định tư pháp hoặc sự thay đổi trong pháp luật trong nước.
6. Mỗi Bên sẽ cung cấp thông báo bằng văn bản cho người nộp đơn giải thích về quyết định của Bên đó thu hồi hoặc sửa đổi xác định trước đã ban hành cho người nộp đơn.
7. Mỗi Bên sẽ quy định rằng bất kỳ sự sửa đổi hoặc hủy bỏ xác định trước nào sẽ có hiệu lực vào ngày mà văn bản sửa đổi hoặc hủy bỏ xác định trước đó được ban hành, hoặc vào ngày sau đó nếu có thể được quy định cụ thể. Việc sửa đổi hoặc hủy bỏ một xác định trước không được áp dụng đối với việc nhập khẩu một loại hàng hóa đã xảy ra trước ngày đó,

trừ khi người được ban hành xác định trước đó đã không thực hiện theo các điều khoản và điều kiện của xác định trước.

8. Không tính tới khoản 3 của Điều này, Bên ban hành xác định trước có thể hoãn ngày có hiệu lực của việc sửa đổi hoặc thu hồi xác định trước trong một khoảng thời gian hợp lý và phù hợp với các pháp luật và thủ tục quốc gia của mỗi Bên về xác định trước, nếu người mà xác định trước được ban hành chứng minh được các thiệt hại chính đáng của mình do xác định trước đó gây ra.

Điều 4.9: Xử phạt

1. Mỗi Bên sẽ duy trì các biện pháp áp dụng hình phạt theo quy định pháp luật trong nước đối với các hành vi vi phạm pháp luật hải quan, quy định hoặc yêu cầu về thủ tục.
2. Mỗi Bên sẽ đảm bảo rằng các hình thức xử phạt được ban hành đối với hành vi vi phạm luật hải quan, các quy định hoặc yêu cầu về thủ tục chỉ được áp dụng đối với (những) người chịu trách nhiệm về hành vi vi phạm theo luật của mình.
3. Mỗi Bên sẽ đảm bảo rằng việc xử phạt do Cơ quan Hải quan của mình áp dụng phụ thuộc vào thực tế và hoàn cảnh của vụ việc và tương xứng với tính chất và mức độ nghiêm trọng của vi phạm.
4. Mỗi Bên sẽ đảm bảo rằng Bên đó sẽ duy trì các biện pháp để tránh xung đột lợi ích trong việc đánh giá và thu các khoản phạt và thuế.
5. Mỗi Bên sẽ đảm bảo rằng nếu Cơ quan Hải quan của mình áp dụng một hình thức xử phạt đối với vi phạm luật hải quan, quy định hoặc yêu cầu về thủ tục, thì sẽ giải thích bằng văn bản cho người bị xử phạt, nêu rõ bản chất của vi phạm và luật, quy định hoặc thủ tục được sử dụng để xác định số tiền phạt đó.

Điều 4.10: Giải phóng hàng hóa

1. Mỗi Bên sẽ áp dụng hoặc duy trì các thủ tục hải quan được đơn giản hóa để giải phóng hàng hóa một cách hiệu quả nhằm tạo thuận lợi cho thương mại.
2. Theo khoản 1, mỗi Bên sẽ áp dụng hoặc duy trì các thủ tục:
 - (a) quy định việc giải phóng hàng nhanh, sau khi nhận được tờ khai hải quan và hoàn thành tất cả các yêu cầu và thủ tục hiện hành;
 - (b) quy định việc nộp và xử lý tài liệu và dữ liệu điện tử, bao gồm cả bảng kê khai, trước khi hàng hóa đến để đẩy nhanh việc giải phóng hàng hóa khi hàng đến;
 - (c) cho phép hàng hóa được giải phóng tại điểm đến mà không yêu cầu tạm chuyển đến kho hoặc các cơ sở khác; và
 - (d) yêu cầu việc thông báo cho nhà nhập khẩu lý do hàng hóa không được giải phóng, bao gồm, trong phạm vi pháp luật cho phép, cơ quan biên giới nào, nếu không phải là Cơ quan Hải quan, đã đình lại việc giải phóng hàng hóa;

3. Không quy định nào trong Điều này yêu cầu một Bên giải phóng hàng hóa nếu các yêu cầu giải phóng hàng hóa không được đáp ứng hoặc ngăn cản một Bên thanh lý tiền bảo chứng theo luật của mình.
4. Mỗi Bên có thể cho phép, trong phạm vi có thể thực hiện được và phù hợp với luật hải quan của mình, hàng hóa dự định nhập khẩu được vận chuyển trong lãnh thổ của mình dưới sự kiểm soát hải quan từ điểm nhập vào lãnh thổ của Bên đó đến đơn vị hải quan khác trong lãnh thổ của mình mà từ đó hàng hóa dự kiến sẽ được giải phóng, miễn là đáp ứng các yêu cầu quy định hiện hành.

Điều 4.11: Doanh nghiệp ưu tiên

Để tạo thuận lợi cho thương mại và tăng cường việc tuân thủ và quản lý rủi ro giữa các Bên, các Bên sẽ nỗ lực cùng nhau thống nhất một Thỏa thuận công nhận lẫn nhau (MRA) về Doanh nghiệp ưu tiên (AEO).

Điều 4.12: Phối hợp của cơ quan quản lý biên giới

Mỗi Bên sẽ đảm bảo các cơ quan chịu trách nhiệm về kiểm soát biên giới và các thủ tục liên quan đến việc nhập khẩu, xuất khẩu và quá cảnh hàng hóa hợp tác với nhau và phối hợp hoạt động nhằm tạo thuận lợi thương mại theo quy định của Chương này.

Điều 4.13: Hàng hóa chuyển phát nhanh

Mỗi Bên sẽ áp dụng hoặc duy trì các thủ tục hải quan nhanh đối với hàng hóa nhập khẩu vận chuyển bằng đường hàng không trong khi vẫn duy trì sự kiểm soát và lựa chọn hải quan phù hợp. Các thủ tục này sẽ:

- (a) Quy định thông tin cần thiết để giải phóng một lô hàng chuyển phát nhanh sẽ được nộp và xử lý trước khi hàng đến;
- (b) Cho phép nộp một lần thông tin về tất cả hàng hóa có trong một lô hàng chuyển phát nhanh, như bản lược khai, thông qua phương thức điện tử, nếu có thể¹;
- (c) Trong phạm vi có thể, quy định việc giải phóng một số loại hàng hóa nhất định với các chứng từ tối thiểu;
- (d) Trong các trường hợp thông thường, quy định các chuyển hàng chuyển phát nhanh được giải phóng nhanh nhất có thể sau khi nộp các chứng từ hải quan cần thiết, với điều kiện là lô hàng đã đến;
- (e) Áp dụng cho các lô hàng có trọng lượng hoặc giá trị bất kỳ được công nhận rằng một Bên có thể yêu cầu các thủ tục nhập khẩu chính thức như một điều kiện để giải phóng hàng hóa, bao gồm tờ khai và chứng từ hỗ trợ cũng như chứng từ nộp thuế hải quan, dựa trên trọng lượng hoặc giá trị của hàng hóa; và

¹ Các tài liệu bổ sung có thể được yêu cầu như là điều kiện để giải phóng hàng

- (f) Với điều kiện là, trong các trường hợp thông thường, các lô hàng chuyển phát nhanh có giá trị bằng hoặc thấp hơn một số tiền cố định được quy định theo luật của một Bên, sẽ không chịu thuế hải quan².

Điều 4.14: Khiếu kiện và Khiếu nại

1. Mỗi Bên sẽ đảm bảo rằng bất kỳ người nào mà Bên đó ban hành quyết định về một vấn đề hải quan đều có quyền tiếp cận:
 - (a) ít nhất một cấp khiếu kiện hành chính đối với các quyết định do Cơ quan Hải quan đưa ra, cấp này độc lập³ với người hoặc cơ quan ban hành quyết định đang bị khiếu kiện; và
 - (b) khiếu kiện tư pháp các quyết định được thực hiện ở cấp khiếu kiện hành chính cuối cùng.
2. Mỗi Bên sẽ đảm bảo rằng các thủ tục khiếu nại và khiếu kiện theo khoản 1 được thực hiện một cách kịp thời và không phân biệt đối xử.
3. Mỗi Bên sẽ đảm bảo rằng cơ quan có thẩm quyền giải quyết khiếu kiện hoặc khiếu nại theo khoản 1 sẽ thông báo bằng văn bản cho người đó về nhận định hoặc quyết định của cơ quan trong quá trình giải quyết khiếu kiện hoặc khiếu nại, và lý do đưa ra nhận định hoặc quyết định đó.

Điều 4.15: Hợp tác hải quan

1. Nhằm tăng cường hơn nữa hợp tác hải quan, Cơ quan Hải quan của các Bên sẽ xem xét thống nhất và thông qua Hiệp định Hỗ trợ lẫn nhau trong lĩnh vực Hải quan (CMAA) khi có thể.
2. Nhằm mục đích áp dụng luật hải quan và để các điều khoản của hiệp định này có hiệu lực, Các Bên ký kết sẽ cố gắng:
 - (a) hợp tác và hỗ trợ lẫn nhau trong việc phòng ngừa và điều tra các hành vi vi phạm pháp luật hải quan;
 - (b) khi được yêu cầu, cung cấp cho nhau thông tin để sử dụng trong thực thi pháp luật hải quan; và
 - (c) hợp tác trong việc nghiên cứu, phát triển và áp dụng các thủ tục hải quan mới, trong việc đào tạo và trao đổi nhân sự, chia sẻ các thông lệ tốt nhất và trong các vấn đề khác cùng quan tâm.

² Không tính đến Điều này, một Bên có thể đánh giá thuế hải quan, hoặc có thể yêu cầu chứng từ nhập khẩu chính thức đối với hàng hóa bị hạn chế hoặc kiểm soát, chẳng hạn như hàng hóa sẽ có giấy phép nhập khẩu hoặc các yêu cầu tương tự

³ Cấp độ khiếu kiện hành chính đối với UAE có thể bao gồm cơ quan có thẩm quyền giám sát Cơ quan Hải quan

3. Hỗ trợ theo chương này sẽ được cung cấp phù hợp với pháp luật trong nước và nguồn lực sẵn có của Bên được yêu cầu.
4. Các Bên sẽ trao đổi các đầu mối liên lạc chính thức nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện hiệu quả Chương này.

Điều 4.16: Bảo mật

1. Không có nội dung nào trong Chương này được hiểu là yêu cầu một Bên cung cấp hoặc cho phép tiếp cận thông tin mật, mà việc tiết lộ thông tin đó sẽ cản trở việc thực thi pháp luật hoặc trái với lợi ích công cộng, hoặc sẽ làm tổn hại đến lợi ích thương mại hợp pháp của các doanh nghiệp cụ thể, công hay tư.
2. Theo luật pháp trong nước của mình, mỗi Bên sẽ đảm bảo tính bảo mật của thông tin nhận được theo Chương này và sẽ bảo vệ thông tin đó không bị tiết lộ mà việc tiết lộ có thể ảnh hưởng đến vị thế cạnh tranh của những người cung cấp thông tin.
3. Bất kỳ thông tin nào nhận được theo Chương này sẽ được coi là thông tin mật và không được cung cấp cho Bên thứ ba nếu không được Bên cung cấp thông tin đồng ý bằng văn bản.